

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp - ly hôn

Giữa chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/DS/ST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thu T, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang cư trú: Đội 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Nguyên H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh H vắng mặt (chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2020, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Nguyên H kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc,

sau do không hiểu nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Chính vì vậy chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Chị có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Nguyên H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Hoàng T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2011, hiện con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Đức L là bố đẻ anh Vũ Nguyên H trình bày: Anh Vũ Nguyên H và chị Trịnh Thị Thu T có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 04/2011 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng gia đình ông 01 năm thì vợ chồng vào quê chị T làm ăn sinh sống, đến năm 2015 do làm ăn thua lỗ nên đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian đầu anh H có thường xuyên đưa con về thăm gia đình, đến năm 2017 mâu thuẫn càng căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Việc chị T có đơn xin ly hôn anh H ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh H, và các thông báo của Tòa án gửi cho anh H, ông có liên lạc với anh H và đã thông báo cho anh H biết nhưng anh H không đến Tòa án và có nói với ông việc chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị T đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh H vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu T, xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu T và anh Vũ Nguyên H; Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2011 cho chị Trịnh Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Vũ Nguyên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Vũ Nguyên H.

Chị Trịnh Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trịnh Thị Thu T và anh Vũ Nguyên H kết hôn với nhau vào tháng 4 năm 2011, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường cùng gia đình, sau 01 năm thì vợ chồng vào quê chị T làm ăn sinh sống đã xảy ra mâu thuẫn, do không hiểu và thông cảm cho nhau nên vợ chồng luôn xảy ra va chạm cãi nhau. Tháng 12/2017 mâu thuẫn càng căng thẳng hơn anh H đã bỏ về quê, sau đó đi làm ăn từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Nguyên H.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Thu T và anh Vũ Nguyên H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thu T là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh H, chị T vắng mặt, chị T có lời khai và quan điểm yêu cầu được nuôi con. Hiện cháu T đang ở với mẹ (T), căn cứ vào đơn đề nghị của cháu Vũ Hoàng T có nguyện vọng được ở với mẹ (T). Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục con nên giao chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Trịnh Thị Thu T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu T và anh Vũ Nguyên H.

2. Con chung: Giao chị Trịnh Thị Thu T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Vũ Hoàng T, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2011. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Vũ Nguyên H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ, tại biên lai thu tiền số AA/2017/0001442 ngày 03 tháng 06 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Thu T và anh Vũ Nguyên H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã P, huyện T; tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu